

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo (2010) công tác phòng chống sốt xuất huyết tại xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. 12/2010
2. Bộ Y tế (2011). Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt xuất huyết Dengue. Hà Nội, 02/2011.
3. Bùi Đại (2002). Dengue xuất huyết. Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
4. Đặng Văn Chính (2010). Đánh giá chương trình giám sát và kiểm soát sốt xuất huyết các tỉnh Phía Nam Việt Nam. Tạp chí Y học Tp Hồ Chí Minh, Phụ bản của tập 14 số 2 năm 2010: 38 – 43.
5. Đỗ Nguyễn Thủy Nhi (2010). Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống sốt xuất huyết của học sinh trước và sau khi triển khai Dự án can thiệp tại Trường THCS Tân Hưng huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang. 2009. Tạp chí Y học Tp Hồ Chí Minh, Phụ bản của tập 14 số 2 năm 2010: 1 – 6.
6. Đỗ Quang Hà (2003). Virus Dengue và dịch sốt

- xuất huyết. Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.
7. Nguyễn Lâm, Nguyễn Hồng Hoa (2008). Mô hình xử lý ô dịch nhò trong phòng chống sốt Dengue/ Sốt xuất huyết Dengue tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang năm 2007. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, Phụ bản của tập 12 số 4 năm 2008: 58 – 62.
8. Nguyễn Trọng Lân (2004). Sốt Dengue và sốt xuất huyết Dengue. Nhà xuất bản Y học Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Tạ Văn Trâm, Trần Thanh Hải (2007). Nghiên cứu tình hình và giải pháp nâng cao chất lượng điều trị sốt xuất huyết tại tỉnh Tiền Giang trong 5 năm (2002-2006). Tạp chí Y học Tp Hồ Chí Minh, Phụ bản của tập 11 số 4 năm 2007: 42 – 47.
10. Trần Văn Hải, Lê Thành Tài (2008). Kiến thức, thái độ, thực hành và phòng ngừa sốt Dengue/ Sốt xuất huyết Dengue của người dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Y học Tp Hồ Chí Minh, Phụ bản của tập 12 số 4 năm 2008: 39 – 44.

NHẬN ĐỊNH CỦA CỤM HỌC VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN LÝ BỆNH VIỆN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

NGUYỄN THANH HÀ,
BÙI THỊ TÚ QUYÊN, NGUYỄN ĐỨC THÀNH
Trường Đại học Y tế Công cộng

TÓM TẮT

Trường ĐH YTCC luôn đặc biệt quan tâm làm đến kiểm soát và nâng cao chất lượng cho mọi loại hình đào tạo, trong đó ThS QLBV là một trong các loại hình được ưu tiên hàng đầu. Bài báo này được thực hiện với mục tiêu mô tả các nhận định của cựu học viên ThS QLBV đã tốt nghiệp từ 2010 đến nay về chương trình đào tạo ThS QLBV của Trường ĐH YTCC. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang, lấy ý kiến bằng phiếu tự điền khuyết danh đối với tất cả cựu học viên đã tốt nghiệp chương trình ThS QLBV của Trường. Kết quả cho thấy, đa số cựu học viên trước và sau khi tốt nghiệp làm việc tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến TW. Tỷ lệ học viên đánh giá chung về chương trình đào tạo phù hợp với công việc hiện tại khá cao, 94,3% ở nhóm không chuyển công tác và 84,6% ở nhóm chuyển công tác. Học viên cũng đánh giá cao về cấu trúc chương trình, phân bố thời gian và vai trò của giảng viên nhà trường trong quá trình giảng dạy và hướng dẫn luận văn. Khuyến nghị: Tiếp tục duy trì chất lượng chương trình đào tạo và phối hợp với các bệnh viện nghiên cứu điều chỉnh chương trình kiến tập bệnh viện cho phù hợp và hiệu quả hơn.

Từ khóa: Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, đánh giá chương trình đào tạo

SUMMARY

Quality insurance and quality improvement in training programs has been much considered by Hanoi School of Public Health (HSPH) and Master of Hospital Management (MHM) program is one of the most priorities in training programs in the School. The objective of this article is to describe of the opinions of the hospital management alumni of the MHM program in HSPH from 2010 to 2015. The cross sectional study was applied and we requested all of graduates to complete an anonymous self-administered questionnaire. The result showed that most of MHM alumni have been working in district and provincial hospital level. Most respondents said that the MHM program is suitable with their current works (94.3% in group who don't change the job after graduating and 84.6% in group who move to another job after graduating). The training program construction, time allocation and role of lecturers and tutors of HSPH in teaching and thesis supervising were also high appreciated by the alumni. Recommendation is that the quality of MHM program should be continues and HSPH collaborate with tutors in hospitals review and improve the training component of hospital practice for more effective.

Keywords: Master of Hospital management, training program evaluation.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lần đầu tiên vào năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD-ĐT) Việt Nam đã mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ quản lý bệnh viện (ThS QLBV) và Trường Đại học Y tế công cộng (ĐH YTCC) là cơ sở đầu tiên ở Việt Nam đã được giao nhiệm vụ đào tạo chương trình

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thanh Hà
Địa chỉ: Trường Đại học Y tế Công cộng
Email: nth1@hsph.edu.vn
Ngày nhận: 22/7/2017
Ngày phản biện: 08/8/2016
Ngày duyệt bài: 30/8/2016
Ngày xuất bản: 20/9/2016

này. Chương trình ThS QLBV đầu tiên của Trường kéo dài 2 năm với khối lượng 65 đơn vị học trình, trong đó một năm đầu tiên học viên được học tập lý thuyết và năm thứ hai với trọng tâm là thực hành/kiến tập các kỹ năng quản lý tại bệnh viện. Cho đến năm 2012, chương trình đã điều chỉnh đào tạo theo tin chỉ trong 18 tháng với khối lượng 47 tín chỉ.

Tính đến năm 2015, Trường ĐH YTCC đã tuyển sinh được 8 khóa ThS QLBV tại 3 địa điểm đào tạo tại Hà Nội, tại Tây Nguyên và Đồng Tháp. Tổng số đã có gần 500 học viên tham gia chương trình với gần 200 thực sĩ đã tốt nghiệp. Các học viên đều là những cán bộ đang làm công tác quản lý bệnh viện, các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế tư nhân hoặc điều dưỡng trưởng tại các khoa/phòng của bệnh viện.

Trường ĐH YTCC luôn đặc biệt quan tâm đến kiểm soát và nâng cao chất lượng cho mọi loại hình đào tạo, trong đó ThS QLBV là một trong các loại hình được ưu tiên hàng đầu. Chính vì vậy Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên ThS QLBV về chương trình đào tạo để có thể rà soát và điều chỉnh chương trình phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Bài báo này được thực hiện với mục tiêu mô tả các nhận định của cựu học viên ThS QLBV đã tốt nghiệp từ 2010 đến 2015 về chương trình đào tạo ThS QLBV của Trường ĐH YTCC.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Cựu học viên ThS QLBV của Trường Đại học Y tế Công cộng tốt nghiệp từ năm 2010 đến 2015.

2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y tế Công cộng, các cơ sở phối hợp đào tạo ThS QLBV trong thời gian từ tháng 4-12/2015.

3. Thiết kế nghiên cứu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang, lấy ý kiến cựu học viên thông qua bộ phiếu phát vấn tự điền:

Bước 1: Nhóm nghiên cứu đã thu thập các thông tin cập nhật nhất về địa chỉ liên lạc của các cựu học viên thông qua thông tin lấy từ mạng lưới cựu học viên (bao gồm số ĐT, địa chỉ email, địa chỉ cơ quan công tác).

Bước 2: Các bộ phiếu tự điền được chuyển tới những cựu học viên thông qua 2 hình thức: địa chỉ email hoặc dịch vụ thư chuyển phát nhanh có bảo đảm (EMS) kèm theo phong bì dán sẵn địa chỉ trường ĐH YTCC. Sau khi học viên điền phiếu, học viên gửi lại nhóm nghiên cứu qua địa chỉ email mà nhóm cung cấp hoặc gửi qua đường bưu điện. Trong giai đoạn thu thập số liệu, nhóm nghiên cứu đã gọi điện cho các cựu học viên để nhắc nhở việc điền phiếu. Ngoài ra với những địa điểm thu thập số liệu, nhóm đã in và phát phiếu cho cựu học viên điền trực tiếp và sau đó thu lại, việc này nhằm tăng tỷ lệ phiếu thu được

4. Cơ mẫu và chọn mẫu

Mẫu nghiên cứu là toàn bộ cựu học viên cao học Quản lý bệnh viện của Trường Đại học Y tế Công cộng đã tốt nghiệp (từ khóa 1 đến khóa 5) tại 3 địa điểm đào tạo là Hà Nội, Tây Nguyên và Đồng Tháp. Tổng số đã có 245 học viên tốt nghiệp, trong đó có

156 cựu học viên đã gửi phiếu tự điền về cho nhóm nghiên cứu, trong số này có 139 phiếu được sử dụng trong báo cáo, 17 phiếu do thiếu nhiều thông tin nên bị loại.

5. Biện số và nội dung nghiên cứu

Nhóm biến thông tin chung về người cung cấp thông tin

Tuổi, giới, nghề nghiệp, khóa học
Vị trí công tác trước và sau khi tốt nghiệp

Lĩnh vực công tác hiện nay.

Lý do theo học ThS QLBV....

Nhóm biến về đánh giá chương trình đào tạo của cựu học viên:

Nhận định về cấu trúc chương trình (bao gồm cả lý thuyết và thực tập)

Nhận định về lượng kiến thức, kỹ năng đã được cung cấp.

Nhận định về qui trình, nội dung thực tập bệnh viện
Nhận định về qui trình và sự hỗ trợ của các bên liên quan trong quá trình làm luận văn tốt nghiệp
Nhận định về sự hỗ trợ của các phòng ban chức năng trong quá trình học tập.

6. Quản lý, phân tích số liệu

Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm Epidata, số liệu làm sạch và phân tích với phần mềm SPSS. Các phương pháp phân tích thống kê mô tả phù hợp đã được sử dụng.

7. Các phương pháp để đảm bảo chất lượng số liệu

Công cụ sử dụng trong nghiên cứu đã được xây dựng dựa trên thử nghiệm với các cựu học viên của chương trình và được chỉnh sửa trước khi đưa vào sử dụng chính thức.

Các cán bộ tham gia thu thập thông tin định lượng và định tính có trình độ và kinh nghiệm trong nghiên cứu, được tập huấn để thống nhất về các nội dung thông tin cần thu thập cũng như mục tiêu của nghiên cứu và từng công cụ.

8. Đạo đức của nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y tế Công cộng thông qua và cho phép triển khai. Giấy chấp thuận tự nguyện tham gia nghiên cứu đều được chuyển tới những người tham gia nghiên cứu trước khi tiến hành thu thập số liệu. Đối tượng có quyền từ chối những câu hỏi mà họ không muốn trả lời. Cán bộ nghiên cứu đảm bảo các thông tin thu thập chính xác, trung thực, đầy đủ.

Tất cả các kết quả nghiên cứu và trích dẫn đều khuyết danh và được mã hóa. Danh tính của người tham gia không được tiết lộ ra ngoài. Nghiên cứu này đảm bảo nguyên tắc không làm tổn hại đến vị trí công tác của đối tượng nghiên cứu tại nơi làm việc. Mọi thông tin được giữ kín và bảo mật, các thông tin, số liệu thu thập được chỉ nhằm mục đích nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thông tin chung về cựu học viên

Từ khi được đào tạo Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện (năm 2008) đến nay đã có 5 khóa học viên tốt nghiệp tại 3 địa điểm đào tạo là Hà Nội, Đồng Tháp và Tây Nguyên với tổng số là 245 cựu học viên. Đã có 156 cựu học viên đã điền phiếu và có 139 phiếu điền đủ

thông tin để đưa vào phân tích (tỷ lệ 56,7%). Thông tin chung về học viên đã tốt nghiệp tham gia trả lời phiếu được trình bày trong các bảng dưới đây.

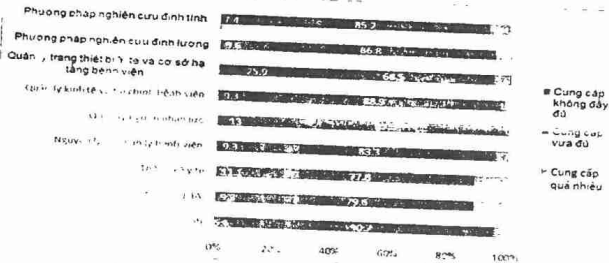
Bảng 1. Thông tin chung của cựu học viên tham gia điều tra

Thông tin chung	Tần số	Tỷ lệ
Giới tính		
1 Nam	77	55,4
2 Nữ	62	44,6
Tuổi (Trung bình ± SD)		
1 Dưới 30 tuổi	11	7,9
2 Từ 30-40 tuổi	51	36,7
3 Trên 40 tuổi	77	55,4
Nơi học chương trình Ths QLVB		
1 Hà Nội	85	61,2
2 Tây Nguyên	32	23
3 Đồng Tháp	22	15,8
Chuyên ngành đào tạo chính trước khi học Ths QLVB		
1 Bác sỹ	21	15,1
2 Điều dưỡng	58	41,7
3 Y tế công cộng	9	6,5
4 Chuyên môn khác (Được, XN, HS, KTHA, GMHS, CNTT, KT, Luật...)	51	36,6

Kết quả bảng 1 cho thấy, tỷ lệ học viên nam trả lời phiếu cao hơn nữ (55,4% và 44,6%). Độ tuổi trung bình của học viên là 40,7 tuổi, trong đó hơn một nửa học viên có độ tuổi >40 (55,4%). Chuyên ngành đào

2. Nhận định của cựu học viên về chương trình đào tạo

Nghiên cứu đã lấy ý kiến đánh giá của cựu học viên về chương trình đào tạo với các câu phân lý thuyết, kiến tập bệnh viện và quá trình làm luận văn. Chi tiết về kết quả được trình bày trong phần dưới đây.



Biểu đồ 1. Ý kiến cựu học viên về nội dung các môn cơ sở và chuyên ngành

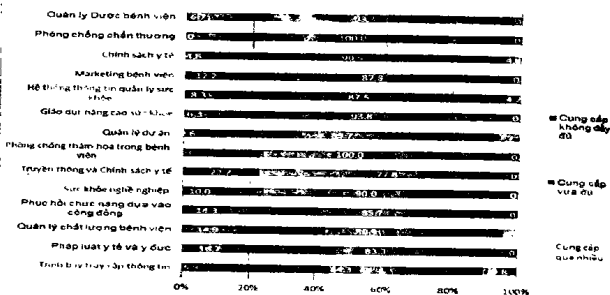
Kết quả biểu đồ 1 cho thấy, đa số cựu học viên đánh giá các nội dung của các môn cơ sở và chuyên ngành cung cấp kiến thức ở mức độ vừa đủ chiếm tỷ lệ cao >80%. Môn Quản lý Trang thiết bị Y tế được đánh giá là cung cấp kiến thức thiếu chiếm tỷ lệ cao nhất trong các môn học (25,9%). Hai môn dịch tễ học và thống kê y tế được đánh giá là cung cấp kiến thức quá nhiều cũng chiếm tỷ lệ cao nhất trong 10 môn cơ sở và chuyên ngành (đều chiếm 11,1%).

tạo chính trước khi tham gia khóa Ths QLVB là điều dưỡng chiếm tỷ lệ cao nhất (41,7%) và có khoảng 1/5 cựu học viên có bằng đại học không thuộc khối khoa học sức khỏe trước khi tham gia khóa học Ths QLVB.

Bảng 2. Công việc của cựu học viên trước và sau khi học Thạc sỹ quản lý bệnh viện

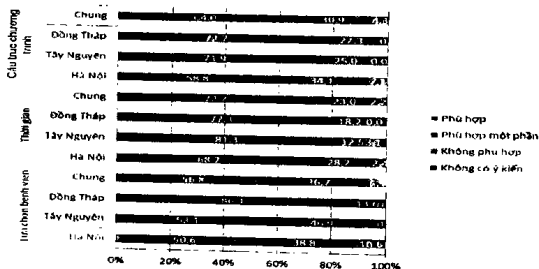
Nội dung	Trước khi đi học n (%)	Sau khi học xong n (%)
Cơ quan công tác		
1 Bệnh viện tuyến Trung Ương	35 (25,2)	35 (25,2)
2 Bệnh viện tuyến tỉnh	58 (41,7)	58 (41,7)
3 Bệnh viện tuyến huyện	12 (8,6)	13 (9,4)
4 Bệnh viện tư	1 (0,7)	3 (2,2)
5 Trạm y tế xã	1 (0,7)	1 (0,7)
6 Khác	32 (23)	29 (20,9)
Vị trí công tác		
1 Cán bộ nhân viên	61 (43,2)	56 (40,3)
2 Lãnh đạo cấp phòng/ khoa	70 (50,4)	72 (51,8)
3 Lãnh đạo cơ quan	8 (5,8)	11 (7,9)

Bảng 2 trình bày kết quả công việc của học viên trước và sau khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy, nhìn chung, về cơ quan và vị trí công tác của học viên hầu như không có sự khác biệt trước và sau khi tốt nghiệp. Trong đó, học viên làm tại các BV tuyến tỉnh chiếm tỷ lệ cao nhất (41,7%), tiếp theo là BV tuyến trung ương (25,2%). Có khoảng hơn một nửa học viên là lãnh đạo cấp khoa phòng.



Biểu đồ 2. Ý kiến cựu học viên về nội dung các môn tự chọn

Tổng số có 14 môn tự chọn cung cấp trong chương trình đào tạo THS Quản lý Bệnh viện, tuy nhiên theo qui định mỗi học viên chỉ phải chọn tối thiểu khoảng 5-6 môn (10 tín chỉ). Kết quả biểu đồ 2 cho thấy, trong số học viên chọn các môn tự chọn, đa số đều đánh giá lượng kiến thức cung cấp ở các môn này là vừa đủ chiếm tỷ lệ khá cao. Trong đó, có 8/14 môn được 80-90% học viên đánh giá lượng kiến thức cung cấp đủ; 5 môn được đánh giá cung cấp đủ trong khoảng 90-100%. Có 1 môn (truyền thông chính sách y tế) được đánh giá lượng kiến thức cung cấp đủ <80%.

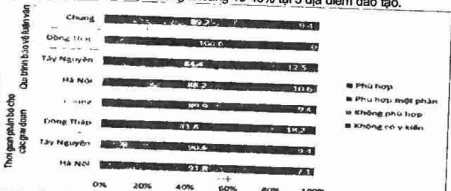


Biểu đồ 3. Ý kiến của cựu học viên về cấu trúc chương trình và thời gian kiến tập bệnh viện

Đối với cấu trúc phân thực hành bệnh viện, học viên có thời gian 2 tháng đến các bệnh viện để học tập thực tế các nội dung quản lý tại bệnh viện. Nghiên cứu đã đề nghị học viên cho ý kiến về 3 vấn đề trong chương trình thực tập bao gồm nội dung, thời gian và lựa chọn các bệnh viện để thực tập. Kết quả biểu đồ 3 cho thấy, chung cho cả 3 địa điểm đào tạo chỉ có 64% học viên đánh giá nội dung thực tập là phù hợp, khoảng 30% đánh giá là phù hợp 1 phần và khoảng gần 5% đánh giá chưa phù hợp. Tỷ lệ đánh giá nội dung thực tập chưa phù hợp cao nhất là ở Hà Nội (7,1%). Đánh giá về thời gian thực tập, chỉ có khoảng một nửa cựu học viên ở Hà Nội và Tây Nguyên đánh giá là phù hợp, trong khi tỷ lệ này là 86,4% tại Đồng Tháp. Tỷ lệ đánh giá mức độ phù hợp về thực tập này cần được nhà trường xem xét trong những năm tiếp theo để điều chỉnh cho phù hợp hơn.

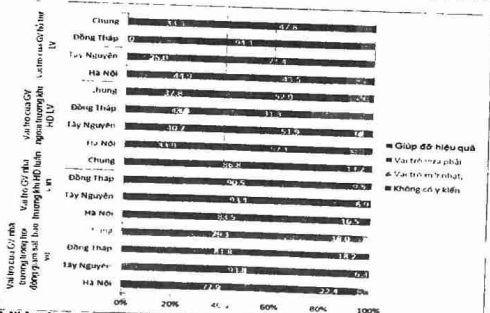


Biểu đồ 4. Nhận xét của học viên về vai trò của giảng viên trong quá trình hướng dẫn kiến tập bệnh viện
 Trong quá trình thực tập tại bệnh viện, học viên sẽ được giảng viên nhà trường và giảng viên tại các khoa phòng của bệnh viện hướng dẫn và hỗ trợ. Kết quả biểu đồ 4 cho thấy, vai trò hướng dẫn giảng viên nhà trường được đánh giá cao tại 2 địa bàn Tây Nguyên và Đồng Tháp (trên 85%). Trong khi đó vai trò của giảng viên tại bệnh viện được đánh giá là giúp đỡ hiệu quả trong khoảng 40-45% tại 3 địa điểm đảo tạo.



Biểu đồ 5. Nhận xét của cựu học viên về phân bổ thời gian làm luận văn và qui trình bảo vệ luận văn

Tất cả các học viên sau khi hoàn thành chương trình lý thuyết và thực hành bệnh viện đều phải tiến hành làm luận văn tốt nghiệp. Biểu đồ 5 cho biết nhận định của cựu học viên về thời gian phân bổ cho quá trình làm luận văn và qui trình thực hiện luận văn của nhà trường. Kết quả cho thấy cả 2 nội dung này được cựu học viên đánh giá rất khả quan, tỷ lệ đánh giá là phù hợp về thời gian và qui trình đều rất cao trên 80% ở tất cả các địa điểm đảo tạo.



Biểu đồ 6. Nhận xét của cựu học viên về vai trò của giáo viên hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình làm luận văn

Kết quả biểu đồ 6 cho thấy, cựu học viên đánh giá cao về sự hỗ trợ và vai trò của các giảng viên hướng dẫn nhà trường và vai trò của giảng viên nhà trường trong hội đồng bảo vệ luận văn (dao động từ 80 đến 86%). Tuy nhiên vai trò của các giảng viên hỗ trợ trong quá trình làm luận văn chưa thực sự tốt, chỉ khoảng 1/3 cựu học viên cho rằng các giảng viên hỗ trợ đã giúp đỡ họ 1 cách hiệu quả trong quá trình làm luận văn.

Nhận định chung của cựu học viên về sự phù hợp chương trình với các công việc của cựu học viên

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo có 13 học viên trả lời đã chuyển công tác. Tuy nhiên, tỷ lệ học viên đánh giá chung về chương trình đào tạo phù hợp với công việc hiện tại khá cao ở cả 2 nhóm, 94,3% ở nhóm không chuyển công tác và 84,6% ở nhóm chuyển công tác

KẾT LUẬN

Đa số cựu học viên trước và sau khi tốt nghiệp làm việc tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến TW.

Tỷ lệ học viên đánh giá chung về chương trình đào tạo phù hợp với công việc hiện tại khá cao, 94,3% ở nhóm không chuyển công tác và 84,6% ở nhóm chuyển công tác. Nhận định về kiến thức cung cấp vừa đủ trong các môn học lý thuyết chiếm tỷ lệ cao (>80%). 94% học viên đánh giá nội dung thực tập là phù hợp và phù hợp một phần.

Quy trình thực hiện luận văn được đánh giá là phù hợp về thời gian và quy trình đều rất cao trên 80% ở tất cả các địa điểm đào tạo.

Tỷ lệ cựu học viên đánh giá cao về vai trò và sự hỗ

trợ giảng viên hướng dẫn kiến tập bệnh viện (trên 85%). Các giảng viên hướng dẫn nhà trường và vai trò của giảng viên nhà trường trong hội đồng bảo vệ luận văn cũng được đánh giá cao (dao động từ 80 đến 86%).

KHUYẾN NGHỊ

Tiếp tục duy trì chất lượng chương trình đào tạo, trong đó phối hợp với các bệnh viện nghiên cứu điều chỉnh chương trình kiến tập bệnh viện cho phù hợp và hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phillips, J., *Handbook of training evaluation and measurement methods* (2nd ed.). 1991, Houston: Gulf Publishing Company.
2. Stufflebeam, D.L., *Evaluation models*. 2001, San Francisco: Jossey-Bass.
3. Jain, S., *Methods Of Training Programme Evaluation: A Review*. *The Journal of Commerce*, 2014, 6(2): p. 19-30.
4. Rouse, D.M.S.M.B.A.E.R., *Employing Kirkpatrick's Evaluation Framework to Determine the Effectiveness of Health Information Management Courses and Programs*. *Perspectives in Health Information Management*, 2011: p. 1-1c.
5. Erthal, M.J., *Management training program evaluation: Evaluation methods, use of results, and perceived barriers*. 1993, Southern Illinois University at Carbondale: Ann Arbor: p. 125-125 p.
6. 18. Phillips, J., *Handbook of Training Evaluation and Measurement Methods*. 1997, Houston, TX: Gulf.
7. Belfield, C., et al., *Measuring effectiveness for best evidence medical education: a discussion*. (1468-187X (Electronic)).

ĐÁNH GIÁ NỒNG ĐỘ ALBUMIN MÁU VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI CÁC YẾU TỐ LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG Ở BỆNH NHÂN HỘI CHỨNG THẬN HƯ NGUYÊN PHÁT NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH

ĐẶNG THỊ VIỆT HẠ^{1,2}, HOÀNG ANH TUẤN¹

¹Trường Đại học Y Hà Nội, ²Khoa Thận tiết niệu Bệnh viện Bạch Mai

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá nồng độ albumin máu và tìm hiểu mối liên quan giữa nồng độ albumin máu với các yếu tố lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân (BN) hội chứng thận hư (HCTH) nguyên phát người trưởng thành. **Đối tượng và phương pháp:** Chúng tôi tiến hành nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 110 BN HCTH nguyên phát điều trị tại Khoa Thận Tiết niệu Bệnh viện Bạch Mai. **Kết quả và kết luận:** Nồng độ protein máu và nồng độ albumin máu trung bình lần lượt là $46 \pm 6,5$ g/l và $17,8 \pm 4,7$ g/l. Giảm albumin máu càng nặng thì phù càng nặng và số lượng nước tiểu càng giảm.

Nồng độ albumin máu có mối tương quan thuận với nồng độ calci, protein máu và có mối tương quan nghịch với nồng độ Cholesterol TP, Triglyceride, LDL-C, APTTs. Fibrinogen máu và protein niệu 24 giờ.

Từ khóa: Nồng độ albumin máu, lâm sàng, cận lâm sàng, hội chứng thận hư.

SUMMARY

ESTIMATING SERUM ALBUMIN CONCENTRATION AND SEARCHING THE RELATIONSHIP BETWEEN SERUM ALBUMIN CONCENTRATION WITH CLINICAL AND SUBCLINICAL CHARACTERISTICS OF ADULT PATIENTS WITH NEPHROTIC SYNDROME

Objective: To estimate serum albumin concentration and searching the relationship between serum albumin concentration with clinical and subclinical characteristics of adult patients with primary nephrotic syndrome. **Patients and method:** 110 adult patients with primary nephrotic syndrome in Nephrology Department of Bach Mai Hospital were enrolled in this cross-sectional study. **Results and**

Chịu trách nhiệm: Đặng Thị Việt Hạ
Địa chỉ: Trường Đại học Y Hà Nội
Email: dangvietha68@yahoo.com
Ngày nhận: 22/7/2016
Ngày phản biện: 23/8/2016
Ngày duyệt bài: 06/9/2016
Ngày xuất bản: 20/9/2016